

Số: 18/QĐ-TANDTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019****CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 31/12/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 của Toà án nhân dân tối cao như sau:

1. Tổng mức vốn đầu tư được Nhà nước giao theo kế hoạch trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN 2019 (vốn trong nước)
	Tổng số	691.783
1	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	682.000

-	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	9.950
-	Quản lý nhà nước (Thực hiện Nghị quyết số 49/2005/NQ-TW)	672.050
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9.783

2. Chi tiết phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 cho từng dự án (Xem tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chủ đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị thuộc hệ thống Tòa án nhân dân phải thực hiện công khai tài chính các nội dung thuộc quyền quản lý theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chủ đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị thuộc hệ thống Tòa án nhân dân trong danh mục kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *kt*

- Như Điều 3;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Du PCA TANDTC (để chỉ đạo);
- Các PCA TANDTC (để biết);
- Bộ Tài chính;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu VP, Cục KHTC.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Du

CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019

(kèm theo Quyết định số 18/QĐ/TANDTC-KHTC ngày 25 tháng 01 năm 2019)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	691.783	691.783	
	Trong đó : Vốn Trong nước	691.783	691.783	
	Vốn ngoài nước			
A	Vốn thiết kế quy hoạch	0	0	
1	Dự án ...			
B	Vốn chuẩn bị đầu tư	0	0	
1	Dự án ...			
C	Vốn thực hiện dự án	691.783	691.783	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO:	9.950	9.950	
	Dự án chuyển tiếp:	9.950	9.950	
	Mở rộng Học viện Tòa án (GD 3)	9.950	9.950	
II	NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	681.833	681.833	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	681.833	681.833	
1	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018	84.900	84.900	
	Nhóm B	79.600	79.600	
1	TPT TATC Hà Nội	34.635	34.635	
2	TAND quận Gò Vấp	3.600	3.600	
3	TAND tỉnh Đồng Tháp	50	50	
4	TAND tỉnh Quảng Ninh	3.244	3.244	
5	TAND quận Hoàng Mai	1.189	1.189	
6	TAND tỉnh Hậu Giang	782	782	
7	TAND tỉnh Hoà Bình	200	200	
8	TAND tỉnh Yên Bái	300	300	
9	TAND huyện Bình Chánh	800	800	
10	TAND quận Bình Thạnh	50	50	
11	TAND TP Vũng Tàu	1.300	1.300	
12	TAND quận Cầu Giấy	6.000	6.000	
13	TAND tỉnh Tây Ninh	150	150	
14	TPT TATC Hồ Chí Minh	27.300	27.300	
	Nhóm C	5.300	5.300	
1	TAND huyện Gò Dầu	100	100	
2	TAND huyện Củ Chi	50	50	
3	TAND huyện Thuận Nam	200	200	
4	TAND huyện Krông Buk	50	50	

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	TAND tỉnh Quảng Bình	50	50	
6	TAND huyện Ba Tri	150	150	
7	TAND huyện Châu Thành	200	200	
8	TAND huyện Tây Sơn	4.500	4.500	
2	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019	241.100	241.100	
	Nhóm B	135.100	135.100	
1	TAND TP Hồ Chí Minh	20.300	20.300	
2	TAND tỉnh Bắc Giang (XM)	13.900	13.900	
3	TAND TP Cần Thơ (mới)	31.400	31.400	
4	TAND tỉnh Long An	24.900	24.900	
5	TAND tỉnh Nam Định	3.800	3.800	
6	TAND tỉnh Ninh Bình	3.400	3.400	
7	TAND tỉnh Bình Phước	18.400	18.400	
8	TAND tỉnh Thanh Hoá (mới)	19.000	19.000	
	Nhóm C	106.000	106.000	
1	TAND huyện Bắc Tân Uyên	6.500	6.500	
2	TAND huyện Bầu Bàng	6.500	6.500	
3	TAND huyện Bù Gia Mập	5.200	5.200	
4	TAND huyện Hớn Quản	5.200	5.200	
5	TAND huyện Ia H'Drai	2.500	2.500	
6	TAND huyện Cờ Đỏ	6.500	6.500	
7	TAND huyện Hồng Ngự	5.500	5.500	
8	TAND huyện Giang Thành	5.500	5.500	
9	TAND huyện Mộc Hoá	5.500	5.500	
10	TAND huyện Ván Hồ	2.500	2.500	
11	TAND TX Cai Lậy	12.500	12.500	
12	TAND huyện Tân Phú Đông	5.500	5.500	
13	TAND huyện Yên Sơn	3.450	3.450	
14	TAND huyện Lâm Bình	3.450	3.450	
15	TAND TP Cẩm Phả	19.000	19.000	
16	TAND huyện Sông Lô	9.950	9.950	
17	TAND huyện Hàm Tân	750	750	
3	Dự án chuyển tiếp:	249.350	249.350	
	Nhóm B	112.800	112.800	
1	TAND quận Lê Chân	33.000	33.000	
2	TAND huyện Phú Quốc	33.000	33.000	
3	Trùng tu TTATC tại 48 Lý Thường Kiệt (GD2)	18.100	18.100	
4	TAND tỉnh Bắc Ninh	13.900	13.900	
5	TAND quận Hải Châu	9.900	9.900	
6	TAND TP Vinh	4.900	4.900	
	Nhóm C	136.550	136.550	

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	TAND TX Hoàng Mai	18.700	18.700	
2	TAND huyện Quảng Trạch	14.400	14.400	
3	TAND huyện Mường Ảng	14.400	14.400	
4	TAND huyện Nậm Pồ	9.500	9.500	
5	TAND huyện Nậm Nhùn	9.500	9.500	
6	TAND huyện Tân Uyên	9.500	9.500	
7	TAND huyện Kỳ Anh	9.500	9.500	
8	TAND huyện Chư Pưh	9.500	9.500	
9	TAND huyện Kông Chro	9.500	9.500	
10	TAND huyện Phú Riềng	9.500	9.500	
11	TAND huyện Trần Đề	11.050	11.050	
12	TAND huyện Sơn Tịnh	700	700	
13	TAND tỉnh Yên Bái (GD 2)	9.900	9.900	
14	TAND TP Đồng Hới	150	150	
15	TAND huyện Na Rì	750	750	
4	Dự án khởi công mới năm 2019	106.483	106.483	
	Nhóm B	43.700	43.700	
1	TAND quận Thủ Đức	1.900	1.900	
2	TAND quận Tân Bình	1.900	1.900	
3	Tu bổ bảo tồn TAND TP Hồ Chí Minh	39.900	39.900	
	Nhóm C	53.000	53.000	
1	TAND huyện Duyên Hải	18.500	18.500	
2	TAND huyện Long Mỹ	11.200	11.200	
3	TAND huyện Mỹ Xuyên	9.700	9.700	
4	TAND TP Việt Trì	13.600	13.600	
	Các dự án sử dụng vốn bán trụ sở	9.783	9.783	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở hệ thống TAND tỉnh Lào Cai	4.203	4.203	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở hệ thống TAND tỉnh Lạng Sơn	5.580	5.580	

